

Số: 1579 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai và phê duyệt danh sách cán bộ viên chức
thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập năm 2012

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155-CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản thu nhập và Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/03/2007 và Thông tư số 01/2010/TT-TTCP ngày 22/01/2010 của Thanh tra Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một quy định tại Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách cán bộ viên chức Trường Đại học Nha Trang thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2012 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Phòng Tổ chức Hành chính chịu trách nhiệm triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2012 theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Các Trưởng đơn vị và các ông/bà có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Xứng

DANH SÁCH KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP 2012

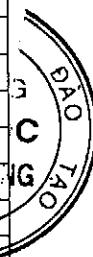
(Kèm theo Quyết định số 1579 /QĐ-ĐHNT, ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Hiệu trưởng)

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngạch viên chức	Loại kê khai
BAN GIÁM HIỆU				
1	Vũ Văn Xứng	HT	15.110	Bổ sung
2	Đỗ Văn Ninh	PHT	15.110	Bổ sung
3	Hoàng Hoa Hồng	PHT	15.110	Bổ sung
4	Phan Thanh Liêm	PHT	15.110	Bổ sung
5	Trang Sĩ Trung	PHT	15.110	Bổ sung
PHÒNG ĐÀO TẠO				
1	Trần Danh Giang	TP	15.110	Bổ sung
2	Trần Doãn Hùng	PTP	15.111	Bổ sung
3	Tô Văn Phương	PTP	15.111	Lần đầu
PHÒNG ĐẢM BẢO CLĐT & KHẢO THÍ				
1	Lê Văn Hào	TP	15.110	Bổ sung
2	Trương Trọng Anh	PTP	15.110	Bổ sung
3	Trần Văn Thường		01.002	Lần đầu
PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ				
1	Lê Phước Lượng	TP	15.110	Bổ sung
2	Vũ Kế Nghiệp	PTP	15.111	Bổ sung
PHÒNG HỢP TÁC ĐỐI NGOẠI				
1	Khổng Trung Thắng	TP	15.111	Bổ sung
2	Nguyễn Thị Ngân	PTP	15.111	Lần đầu
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN				
1	Nguyễn Tiên Hoà	TP	15.110	Bổ sung
2	Tổng Văn Toàn	PTP	01.003	Bổ sung
3	Lê Hoài Nam	PTP	01.002	Bổ sung
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH				
1	Trần Đức Lượng	TP	15.110	Bổ sung
2	Trương Thị Mai Hương	PTP	15.110	Bổ sung
3	Phạm Quang Huy	PTP	15.110	Bổ sung
PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
1	Hồ Thành Sơn	TP	15.111	Bổ sung
2	Nguyễn Thị Hiền	KTT	15.110	Bổ sung
3	Bùi Đức Niệm		13.094	Bổ sung
4	Nguyễn Mai Trung	PTP	15.110	Bổ sung
BAN PT & CHUYÊN GIAO CN				
1	Phạm Hùng Thắng	TB	15.110	Bổ sung
THƯ VIỆN				
1	Vũ Xuân Quý	GĐ	01.002	Bổ sung
2	Nguyễn Quý Hoàn	PGĐ	13.095	Bổ sung
KHOA SAU ĐẠI HỌC				
1	Quách Hoài Nam	TK	15.111	Bổ sung
KHOA ĐẠI HỌC TẠI CHỨC				
1	Nguyễn Đình Mão	TK	15.110	Bổ sung
2	Bùi Quang Thịnh	PTK	01.003	Bổ sung
KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ				
1	Trần Tiến Phúc	TK	15.110	Bổ sung



STT	Họ tên	Chức vụ	Ngạch viên chức	Loại kê khai
2	Nguyễn Thị Ngọc Soạn		15.110	Bổ sung
3	Phan Văn Tiên		15.110	Bổ sung
4	Huỳnh Hữu Nghĩa		15.110	Bổ sung
5	Nhữ Khải Hoàn	PTK	15.111	Bổ sung
KHOA CƠ KHÍ				
1	Nguyễn Văn Nhận	TK	15.110	Bổ sung
2	Trần An Xuân		15.110	Bổ sung
3	Trần Ngọc Nhuận		15.110	Bổ sung
4	Trần Đại Tiên		15.110	Bổ sung
5	Lê Văn Khôn		15.110	Bổ sung
6	Nguyễn Văn Tường	PTK	15.110	Bổ sung
KHOA KỸ THUẬT GIAO THÔNG				
1	Trần Gia Thái	TK	15.110	Bổ sung
2	Nguyễn Đình Long		15.110	Bổ sung
3	Mai Sơn Hải		15.110	Bổ sung
4	Phùng Minh Lộc		15.110	Bổ sung
5	Nguyễn Thái Vũ		15.110	Bổ sung
6	Lê Bá Khang		15.110	Bổ sung
7	Huỳnh Văn Nhu	PTK	15.111	Lần đầu
KHOA XÂY DỰNG				
1	Phạm Bá Linh	QTK	15.111	Bổ sung
KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM				
1	Vũ Ngọc Bội	TK	15.110	Bổ sung
2	Nguyễn Anh Tuấn		15.110	Bổ sung
3	Vũ Duy Đô		15.110	Bổ sung
4	Nguyễn Thuận Anh		15.110	Bổ sung
5	Nguyễn Phước Hoà		15.110	Bổ sung
6	Hoàng Thị Huệ An		15.110	Bổ sung
7	Huỳnh Nguyễn Duy Bảo		15.110	Bổ sung
8	Ngô Thị Hoài Dương		15.110	Bổ sung
9	Nguyễn Đại Hùng		15.110	Bổ sung
10	Nguyễn Thị Mỹ Hương		15.110	Bổ sung
11	Mai Thị Tuyết Nga	PTK	15.110	Bổ sung
12	Nguyễn Minh Trí		15.110	Bổ sung
KHOA NUÔI TRỒNG THỦY SẢN				
1	Lại Văn Hùng		15.110	Bổ sung
2	Ngô Anh Tuấn	PTK	15.110	Bổ sung
3	Nguyễn Văn Quỳnh Bội		15.110	Bổ sung
4	Nguyễn Địch Thanh		15.110	Bổ sung
5	Võ Ngọc Thám		15.110	Bổ sung
6	Lục Minh Diệp		15.110	Bổ sung
7	Phạm Quốc Hùng	TK	15.111	Bổ sung
8	Lê Anh Tuấn		15.110	Bổ sung
9	Lê Thị Hồng Mơ		15.110	Bổ sung
10	Nguyễn Tấn Sỹ		15.110	Bổ sung
KHOA KINH TẾ				
1	Đỗ Thị Thanh Vinh	TK	15.110	Bổ sung
2	Nguyễn Thị Kim Anh		15.110	Bổ sung

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngạch viên chức	Loại kê khai
3	Hoàng Văn Huy		15.110	Bổ sung
4	Nguyễn Thị Trâm Anh		15.110	Bổ sung
5	Trần Công Tài		15.110	Bổ sung
5	Phạm Xuân Thùy		15.110	Bổ sung
7	Lê Hồng Lam		15.110	Bổ sung
8	Hồ Huy Trụ	PTK	15.111	Bổ sung
9	Lê Kim Long	PTK	15.111	Lần đầu
KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH				
1	Phan Thị Dung	TK	15.110	Bổ sung
2	Thái Ninh		15.110	Bổ sung
3	Nguyễn Thành Cường		15.110	Bổ sung
4	Võ Văn Căn (học NN)	PTK	15.111	Bổ sung
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				
1	Đỗ Như An	TK	15.110	Bổ sung
2	Nguyễn Đức Thuận		15.110	Bổ sung
3	Nguyễn Đình Ái		15.110	Bổ sung
4	Phạm Gia Hưng		15.110	Bổ sung
5	Trần Minh Văn	PTK	15.111	Lần đầu
KHOA NGOẠI NGỮ				
1	Nguyễn Thị Thúy Hồng	QTK	15.110	Bổ sung
2	Cao Thị Minh Hậu		15.110	Bổ sung
3	Phan Minh Đức		15.110	Bổ sung
4	Hoàng Công Bình		15.110	Bổ sung
5	Nguyễn Hoàng Hồ		15.110	Bổ sung
6	Võ Nguyễn Hồng Lam	PTK	15.111	Lần đầu
KHOA KHOA HỌC CHÍNH TRỊ				
1	Tô Thị Hiền Vinh		15.110	Bổ sung
2	Dương Thị Thanh Huyền		15.110	Bổ sung
3	Trần Trọng Đạo	QTK	15.111	Bổ sung
VIỆN KH VÀ CN KHAI THÁC THỦY SẢN				
1	Trần Đức Phú	VT	15.111	Bổ sung
2	Hoàng Văn Tính		15.110	Bổ sung
3	Nguyễn Đức Sĩ		15.110	Bổ sung
4	Nguyễn Trọng Thảo		15.110	Bổ sung
5	Nguyễn Duy Toàn		15.110	Bổ sung
6	Nguyễn Quốc Khánh	PVT	15.111	Bổ sung
VIỆN CNSH VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	Ngô Đăng Nghĩa	VT	15.110	Bổ sung
2	Nguyễn Văn Duy	PVT	15.111	Bổ sung
3	Đặng Thúy Bình	PVT	13.095	Lần đầu
PHÂN HIỆU KIẾN GIANG				
1	Trương Minh Chuẩn	PGĐ	15.111	Bổ sung
2	Thái Minh Lắm	PTP	15.111	Bổ sung
3	Nguyễn Văn Thành	PTP	15.111	Bổ sung
TT GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG				
1	Lê Xuân Tài	PGĐ	15.110	Bổ sung
2	Nguyễn Hồ Phong		15.110	Bổ sung
TT THÍ NGHIỆM THỰC HÀNH				



STT	Họ tên	Chức vụ	Ngạch viên chức	Loại kê khai
1	Vũ Phương	GĐ	13.095	Bổ sung
2	Nguyễn Đình Khương	PGĐ	13.095	Bổ sung
TRUNG TÂM PHỤC VỤ TRƯỜNG HỌC				
1	Trần Văn Thuận	PGĐ	01.003	Bổ sung
2	Trần Trọng Tài	PGĐ	01.002	Bổ sung
TRUNG TÂM MÁY TÍNH				
1	Đặng Văn Thư	GĐ	13.095	Bổ sung
TT NC GIÓNG & DỊCH BỆNH TS				
1	Nguyễn Hữu Dũng	GĐ	15.110	Bổ sung
VIỆN NC CƯU NUÔI TRỒNG TS				
1	Ngô Văn Lực	VT	13.095	Bổ sung
VIỆN NGHIÊN CỨU CTẠO TÀU THỦY				
1	Nguyễn Văn Đạt	VT	15.111	Bổ sung
2	Phan Tuấn Long	PVT	13.095	Bổ sung
3	Đình Đức Tiến	PVT	13.095	Bổ sung
TT NC & PT CN PHẦN MỀM				
1	Nguyễn Hữu Trọng	GĐ	15.110	Bổ sung

Danh sách có 124 cán bộ viên chức

Số: *603* /TB-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày *28* tháng 11 năm 2012

THÔNG BÁO

Về việc kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2012

Kính gửi: Lãnh đạo các đơn vị

Thực hiện Luật phòng chống tham nhũng Số 55/2005/QH11 của Quốc hội Khóa 11, các văn bản hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập cá nhân (TSTNCN) của Chính phủ và Quyết định số 1579/QĐ-ĐHNT ngày 21/11/2012 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt danh sách CBVC thuộc diện kê khai TSTNCN năm 2012.

Thừa ủy quyền của Giám hiệu, Phòng Tổ chức Hành chính thông báo đến các đơn vị, cá nhân thuộc diện kê khai triển khai thực hiện như sau:

1. Trưởng đơn vị thông báo đến từng cá nhân thuộc diện phải kê khai (Danh sách theo Quyết định số 1579/QĐ-ĐHNT ngày 21/11/2012 của Hiệu trưởng kèm theo) để thực hiện việc kê khai.
2. Cá nhân năm nay mới kê khai lần đầu thực hiện kê khai theo mẫu **kê khai lần đầu**, Mẫu 1 (file kèm).
3. Cá nhân đã có kê khai các năm trước mà năm nay có biến động tài sản theo quy định thì **kê khai bổ sung** theo Mẫu 2 (file kèm).

Mỗi cá nhân (thuộc điểm 2 hoặc điểm 3 trên đây) làm hai bản tự kê khai; bản photo do cá nhân lưu giữ, bản chính trực tiếp đến phòng TCHC (đ/c **Phạm Thị Thu**) nộp để ký và nhận lại biên bản giao nhận, **hạn chót là 21/12/2012**.

Để thuận lợi cho việc kê khai, Phòng chức năng đã soạn thảo phần hướng dẫn kê khai (file kèm) dựa vào các văn bản hiện hành để các đ/c tham khảo, ai có nhu cầu tìm hiểu kỹ hơn đề nghị xem các văn bản được đăng tải trên Internet (Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/03/2007 của Chính phủ; Thông tư số 2442/2007/TT-TTCT ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ; Thông tư số 01/2010/TT-TTCT ngày 22/01/2010 của Thanh tra Chính phủ; Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ).

Nhận được thông báo này đề nghị các Trưởng đơn vị triển khai ngay việc kê khai TSTNCN trong đơn vị mình và nhắc nhở CBVC thuộc diện kê khai nộp bản kê khai về Phòng TCHC, **hạn chót Phòng TCHC nhận bản kê khai là ngày 21/12/2012**. Quá thời hạn trên, đơn vị/cá nhân nào chưa hoàn thành việc kê khai sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Lưu: TCHC, VT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TC-HC



Trần Đức Lượng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 11 năm 2012

HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2012

I. Giải thích từ ngữ

1.1. “**Kê khai tài sản, thu nhập**” là việc người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ các loại tài sản, thu nhập phải kê khai theo mẫu ban hành kèm theo Nghị số 68/2011/NĐ-CP, ngày 08/08/2011 của Chính phủ;

1.2. “**Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu**” là việc người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai lần đầu tiên theo định kỳ hằng năm mà chưa kê khai lần nào theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng;

1.3. “**Kê khai tài sản, thu nhập bổ sung**” là việc người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai hằng năm từ lần thứ hai trở đi;

1.4. “**Tài sản, thu nhập phải kê khai**” là nhà ở, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ **50 triệu** đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài tương đương từ **50 triệu** đồng trở lên; tổng thu nhập thực tế trong kỳ kê khai;

1.5. “**Biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai**” là sự tăng, giảm tài sản, thu nhập phải kê khai so với lần kê khai gần nhất”;

1.6. “**Kỳ kê khai**”: từ tháng 1/2012 đến tháng 12/2012

II. Hướng dẫn kê khai

2.1. **Nguyên tắc:** Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có trách nhiệm tự kê khai theo các thông tin quy định tại Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 68/2011/NĐ-CP, ngày 08/08/2011 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, sự trung thực, đầy đủ đối với nội dung kê khai. **Bản kê khai được coi là hợp lệ khi người kê khai ký và ghi rõ họ tên vào từng trang của Bản kê khai.**

2.2. **Thời hạn nộp bản kê khai:** Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai theo mẫu, bản chính nộp trực tiếp về Phòng TCHC (đ/c Phạm Thị Thu) trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được Mẫu bản kê khai, hạn chót nộp bản kê khai là 21/12/2012. Ngoài ra cá nhân phải photo lưu giữ lại một bản theo quy định.

2.3. **Kê khai lần đầu:** Việc kê khai lần đầu theo định kỳ hằng năm được thực hiện theo Mẫu số 01 (file kèm) ban hành kèm theo Nghị định số 68/2011/NĐ-CP, ngày 08/08/2011 của Chính phủ.

Phần “Thông tin mô tả về tài sản” có 10 thông tin cần thiết, bản kê khai cần phải thể hiện đầy đủ 10 thông tin này. Tuy nhiên, có thể rút gọn bản kê khai bằng cách lược bỏ những nội dung bên trong của thông tin mà người kê khai không có. Ví dụ: Người kê khai có nhà ở; quyền sử dụng đất; ô tô, các thông tin còn lại không có, trình bày như sau:



II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

STT	THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP			
1.	Nhà ở, công trình xây dựng			
a)	Nhà ở		Có <input checked="" type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Loại nhà	Cấp 1 <input checked="" type="checkbox"/> Số lượng: 01 Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu Diện tích sàn xây dựng: 200 m ²	Cấp 2 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Cấp 3 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:	Cấp 4 <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích sàn xây dựng:
b)	Công trình xây dựng ¹		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
d) Ghi chú	Tài sản nào chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu, lý do:			
2.	Quyền sử dụng đất		Có <input checked="" type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
a) Phân nhóm đất	Đất ở <input checked="" type="checkbox"/> Số lượng: 1 Địa chỉ: 2 Nguyễn Đình Chiểu Diện tích: 100 m ²	Đất trồng cây hằng năm <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất trồng cây lâu năm <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:	Đất lâm nghiệp <input type="checkbox"/> Số lượng: Địa chỉ: Diện tích:
3.	Tài sản ở nước ngoài		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
4.	Tài khoản ở nước ngoài		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
5.	Thu nhập			
	Tổng lương, các khoản phụ cấp theo lương, thu nhập khác/năm		100.000.000 đồng	
6.	Mô tô, ô tô, tàu thuyền mà giá trị của mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input checked="" type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
	Tổng giá trị ước tính:	 đồng	
	Mô tô <input type="checkbox"/> Số lượng: Giá trị:	Ô tô <input checked="" type="checkbox"/> Số lượng: 01 Giá trị: 500 triệu	Tàu <input type="checkbox"/> Số lượng: Giá trị:	Thuyền <input type="checkbox"/> Số lượng: Giá trị:
7.	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
8.	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyên nhượng khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
9.	Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
10.	Nợ phải trả (quy đổi ra VN đồng tại thời điểm kê khai)		Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>

	<p>..., ngày ... tháng ... năm</p> <p>Người kê khai tài sản, thu nhập</p> <p>(Ký, ghi rõ họ tên trên từng trang của bản kê khai)</p>
--	--

2.4. **Kê khai bổ sung:** Việc kê khai bổ sung theo định kỳ hằng năm khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập được thực hiện theo Mẫu số 02 (file kèm) ban hành kèm theo Nghị định số 68/2011/NĐ-CP, ngày 08/08/2011 của Chính phủ.

Tương tự Phần “Thông tin mô tả về tài sản” có 10 thông tin cần thiết, bản kê khai cần phải thể hiện đầy đủ 10 thông tin này. Nếu người kê khai chỉ có biến động về ô tô, các thông tin còn lại không có biến động, trình bày như sau:

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

STT	THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP		
1.	Nhà ở, công trình xây dựng		
a)	Biến động về nhà ở	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
b)	Biến động về công trình xây dựng ²	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
2.	Biến động về quyền sử dụng đất	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
3.	Biến động về tài sản ở nước ngoài	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
4.	Biến động về tài khoản ở nước ngoài	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
5.	Biến động về thu nhập từ 50 triệu đồng trở lên	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
6.	Biến động về mô tô, ô tô, tàu thuyền mà giá trị của mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên		Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
	Giá trị tài sản biến động ước tính:		Tăng: đồng Giảm: 500 triệu đồng
	Mô tô <input type="checkbox"/>	Ô tô <input type="checkbox"/>	Tàu <input type="checkbox"/> Thuyền <input type="checkbox"/>
	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>	Tăng <input type="checkbox"/>
	Giảm <input type="checkbox"/>	Giảm <input checked="" type="checkbox"/>	Giảm <input type="checkbox"/>
	Số lượng:	Số lượng: 01	Số lượng:
	Giá trị:	Giá trị: 500 triệu	Giá trị:
7.	Biến động về kim khí quý, đá quý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
8.	Biến động về tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
9.	Biến động về tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>
10.	Biến động đối với nợ phải trả (quy đổi ra VN đồng tại thời điểm kê khai)	Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>



..., ngày ... tháng ... năm
Người kê khai tài sản, thu nhập
(Ký, ghi rõ họ tên trên từng trang của bản kê khai)

Việc kê khai bổ sung theo định kỳ hằng năm chỉ thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động tổng thu nhập trong kỳ kê khai từ 50 triệu đồng trở lên hoặc khi có biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai theo quy định.

Trường hợp không có biến động về tài sản hoặc tổng thu nhập từ 50 triệu trở lên thì cá nhân báo cáo bằng email về phòng TCHC qua địa chỉ phamthithu.ntu@gmail.com trong đó ghi rõ “không có biến động về tài sản hoặc thu nhập năm 2012”.

III. Xử lý kỷ luật

3.1. Kê khai không trung thực

1. Đối với cán bộ bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Cách chức.

2. Đối với công chức bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức;
- đ) Cách chức.

3.2. Chậm kê khai theo quy định

Người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có cán bộ thuộc đối tượng phải kê khai mà tổ chức việc kê khai chậm so với quy định của pháp luật; người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập mà kê khai chậm so với thời hạn kê khai do người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị quy định thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương.

IV. Văn bản kèm theo

4.1. **Mẫu 1**- Kê khai lần đầu theo ND68CP (dành cho kê khai TSTNCN lần đầu)

4.2. **Mẫu 2** - Kê khai bổ sung theo ND68CP (dành cho kê khai TSTNCN bổ sung)

4.3. Quyết định số 1579/QĐ-ĐHNT ngày 21/11/2012 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt danh sách CBVC thuộc diện kê khai TSTNCN năm 2012.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Đức Lượng

MẪU SỐ 02A

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Số: 59/BC-DHNT

BIỂU THÔNG KÊ BÁO CÁO

Kết quả kê khai, xác minh tài sản, thu nhập năm 2012

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2010/TT-TTCT ngày 22 tháng 01 năm 2010 của Thanh tra Chính phủ)

STT	Tên đơn vị	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập đầu năm nhưng chưa kê khai	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung trong năm	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung nhưng chưa kê khai	Số người đã có kết luận xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập	Số người đã có kết luận về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Ban Giám hiệu	0	0	5	0	0	0	0	0	
2	Phòng Đào tạo	1	0	2	0	0	0	0	0	
3	Phòng Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí	1	0	2	0	0	0	0	0	
4	Phòng Khoa học Công nghệ	0	0	2	0	0	0	0	0	
5	Phòng Hợp tác đối ngoại	1	0	1	0	0	0	0	0	
6	Phòng Công tác sinh viên	0	0	3	0	0	0	0	0	
7	Phòng Tổ chức Hành chính	0	0	3	0	0	0	0	0	
8	Phòng Kế hoạch Tài chính	0	0	4	0	0	0	0	0	
9	Ban PT & chuyên giao CN	0	0	1	0	0	0	0	0	
10	Thư viện	0	0	2	0	0	0	0	0	
11	Khoa sau Đại học	0	0	1	0	0	0	0	0	
12	Khoa Đại học Tại chức	0	0	2	0	0	0	0	0	
13	Khoa Điện – Điện tử	0	0	5	0	0	0	0	0	
14	Khoa Cơ khí	0	0	6	0	0	0	0	0	
15	Khoa Kỹ thuật Giao thông	1	0	6	0	0	0	0	0	
16	Khoa Xây dựng	0	0	1	0	0	0	0	0	
17	Khoa Công nghệ Thực phẩm	0	0	12	0	0	0	0	0	
18	Khoa Nuôi trồng Thủy sản	0	0	10	0	0	0	0	0	
19	Khoa Kinh tế	1	0	8	0	0	0	0	0	
20	Khoa Kế toán Tài chính	0	0	4	0	0	0	0	0	
21	Khoa Công nghệ Thông tin	1	0	4	0	0	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu trong năm nhưng chưa kê khai	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung trong năm	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung nhưng chưa kê khai	Số người đã có kết luận xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập	Số người đã có kết luận về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả kê khai tài sản, thu nhập	Ghi chú
22	Khoa Ngoại ngữ	1	0	5	0	0	0	0	0	
23	Khoa Khoa học Chính trị	0	0	3	0	0	0	0	0	
24	Phân hiệu Kiên Giang	0	0	3	0	0	0	0	0	
25	Viện Khoa học & Công nghệ Khai thác Thủy sản	0	0	6	0	0	0	0	0	
26	Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường	1	0	2	0	0	0	0	0	
27	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản	0	0	1	0	0	0	0	0	
28	Viện Nghiên cứu Chế tạo Tàu thủy	0	0	3	0	0	0	0	0	
29	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng	0	0	2	0	0	0	0	0	
30	Trung tâm Thí nghiệm Thực hành	0	0	2	0	0	0	0	0	
31	Trung tâm Nghiên cứu Giống và Dịch bệnh Thủy sản	0	0	1	0	0	0	0	0	
32	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ phần mềm	0	0	1	0	0	0	0	0	
33	Trung tâm Máy tính	0	0	1	0	0	0	0	0	
34	Trung tâm Phục vụ Trường học	0	0	2	0	0	0	0	0	
	Tổng số	8	0	116	0	0	0	0	0	

ĐÁNH GIÁ

1. Công tác chỉ đạo

- Công tác kê khai tài sản, thu nhập cá nhân luôn được Lãnh đạo Nhà trường quan tâm và chỉ đạo thực hiện đúng các quy định của Pháp luật (Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005; Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản thu nhập và Nghị định số 68/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP; Thông tư số 2442/2007/TT-TTCT ngày 13/11/2007 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/03/2007 và Thông tư số 01/2010/TT-TTCT ngày 22/01/2010 của Thanh tra Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một quy định tại Thông tư số 2442/2007/TT-TTCT).

- Ban hành Quyết định số 1579/QĐ-ĐHNT ngày 21/11/2012 của Hiệu trưởng về việc triển khai và phê duyệt danh sách CBVC thuộc diện kê khai TSTNCN năm 2012.

- Phòng Tổ chức Hành chính triển khai việc kê khai TSTNCN theo đúng quy định của pháp luật.

2. Kết quả triển khai

- Thực hiện chỉ đạo của Ban Giám hiệu, ngày 28/11/2012 Phòng Tổ chức Hành chính đã ban hành thông báo số 603/TB-ĐHNT-TCHC kèm theo Hướng dẫn về việc triển khai kê khai TSTNCN năm 2012 đến các đơn vị và cá nhân liên quan trong Trường.

- Từ 28/11/2012 đến 21/12/2012 theo kế hoạch, 124 CBVC thuộc diện kê khai đã nộp bản kê khai TSTNCN năm 2012, đạt 100% (trong đó có 8 cá nhân kê khai lần đầu, 116 cá nhân kê khai bổ sung), đồng thời đã nhận Giấy giao nhận theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/03/2007 của Chính phủ.

- Từ 24/12/2012 đến 24/01/2013, rà soát kiểm tra Bản kê khai và lưu hồ sơ cán bộ theo đúng quy định. Nhìn chung tất cả CBVC đều nghiêm chỉnh chấp hành đúng các quy định của pháp luật, kê khai đầy đủ và trung thực.

- Tất cả đối tượng thuộc diện kê khai đều đồng thuận và nghiêm túc thực hiện đúng thời gian quy định. Không có thắc mắc, khiếu nại về việc kê khai thiếu trung thực.

3. Những khó khăn vướng mắc

- Kê khai TSTNCN phụ thuộc vào sự nghiêm túc của đối tượng kê khai, việc thẩm định tính trung thực của bản kê khai cần có thời gian và người có nghiệp vụ chuyên môn về công tác xác minh.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Quang Huy

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 01 năm 2013

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Liêm

Số: 1501/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách cán bộ viên chức thuộc diện
kê khai tài sản, thu nhập năm 2013**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155-CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng năm số 55/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH12 và Luật số 27/QH13;

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản thu nhập;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách cán bộ viên chức Trường Đại học Nha Trang thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2013 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Phòng Tổ chức Hành chính chịu trách nhiệm triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2013 theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Các Trưởng đơn vị và các ông/bà có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Amg*

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Xứng

DANH SÁCH KÊ KHAI TÀI SẢN THU NHẬP 2013

(Kèm theo Quyết định số 1501/QĐ-ĐHNT, ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng)

I. Người có nghĩa vụ kê khai theo khoản 5, Điều 7 của Nghị định số 78/2013/NĐ-CP.

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
BAN GIÁM HIỆU			
1	Vũ Văn Xúng	HT	
2	Hoàng Hoa Hồng	PHT	
3	Phan Thanh Liêm	PHT	
4	Trang Sĩ Trung	PHT	
PHÒNG ĐÀO TẠO			
1	Trần Danh Giang	TP	
2	Trần Doãn Hùng	PTP	
3	Tô Văn Phương	PTP	
PHÒNG ĐẢM BẢO CLĐT & KHẢO THÍ			
1	Lê Văn Hào	TP	
2	Trương Trọng Ánh	PTP	
PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			
1	Lê Phước Lượng	TP	
2	Vũ Kế Nghiệp	PTP	
PHÒNG HỢP TÁC ĐỐI NGOẠI			
1	Khổng Trung Thắng	TP	
2	Nguyễn Thị Ngân	PTP	
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN			
1	Tống Văn Toàn	Q.TP	
2	Lê Hoài Nam	PTP	
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH			
1	Trần Đức Lượng	TP	
2	Trương Thị Mai Hương	PTP	
3	Phạm Quang Huy	PTP	
PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
1	Hồ Thành Sơn	TP	
2	Nguyễn Thị Hiến	KTT	
3	Nguyễn Mai Trung	PTP	
BAN PT & CHUYÊN GIAO CN			
1	Phạm Hùng Thắng	TB	
THƯ VIỆN			
1	Vũ Xuân Quý	GD	
2	Nguyễn Quý Hoàn	PGD	
KHOA SAU ĐẠI HỌC			
1	Quách Hoài Nam	TK	
KHOA ĐẠI HỌC TẠI CHỨC			
1	Bùi Quang Thịnh	Q.TK	
KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ			
1	Trần Tiến Phúc	TK	
2	Nhữ Khải Hoàn	PTK	
KHOA CƠ KHÍ			
1	Nguyễn Văn Tường	TK	
2	Đặng Xuân Phương	PTK	

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
KHOA KỸ THUẬT GIAO THÔNG			
1	Trần Gia Thái	TK	
2	Huỳnh Văn Nhu	PTK	
KHOA XÂY DỰNG			
1	Phạm Bá Linh	QTK	
2	Nguyễn Thắng Xiêm	PTK	
KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM			
1	Vũ Ngọc Bội	TK	
2	Mai Thị Tuyết Nga	PTK	
VIỆN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN			
1	Ngô Anh Tuấn	PVT	
2	Phạm Quốc Hùng	VT	
3	Nguyễn Tân Sỹ	PVT	
KHOA KINH TẾ			
1	Đỗ Thị Thanh Vinh	TK	
2	Hồ Huy Tụ	PTK	
3	Lê Kim Long	PTK	
KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH			
1	Phan Thị Dung	TK	
2	Võ Văn Căn	PTK	
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			
1	Đỗ Như An	TK	
2	Trần Minh Văn	PTK	
KHOA NGOẠI NGỮ			
1	Nguyễn Thị Thúy Hồng	QTK	
2	Võ Nguyễn Hồng Lam	PTK	
KHOA KHOA HỌC CHÍNH TRỊ			
1	Trần Trọng Đạo	QTK	
VIỆN KH VÀ CN KHAI THÁC THỦY SẢN			
1	Trần Đức Phú	VT	
2	Nguyễn Quốc Khánh	PVT	
VIỆN CNSH VÀ MÔI TRƯỜNG			
1	Ngô Đăng Nghĩa	VT	
2	Nguyễn Văn Duy	PVT	
3	Đặng Thúy Bình	PVT	
PHÂN HIỆU KIẾN GIANG			
1	Trương Minh Chuẩn	PGĐ	
2	Thái Minh Lâm	PTP	
3	Nguyễn Văn Thành	PGĐ	
TT GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG			
1	Lê Xuân Tài	PGĐ	
TT THÍ NGHIỆM THỰC HÀNH			
1	Vũ Phương	GĐ	
2	Nguyễn Đình Khương	PGĐ	
TRUNG TÂM PHỤC VỤ TRƯỜNG HỌC			
1	Trần Văn Thuận	PGĐ	
2	Trần Trọng Tài	PGĐ	
TRUNG TÂM MÁY TÍNH			
1	Đặng Văn Thư	GĐ	

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
TT NC GIỒNG & DỊCH BỆNH TS			
1	Nguyễn Hữu Dũng	GD	
2	Trần Văn Hích	PGD	
VIỆN NGHIÊN CỨU CTẠO TÀU THỦY			
1	Nguyễn Văn Đạt	VT	
2	Phan Tuấn Long	PVT	
3	Đinh Đức Tiến	PVT	
TT NC & PT CN PHÂN MỀM			
1	Nguyễn Hữu Trọng	GD	

Danh sách có 68 cán bộ viên chức

II. Người có nghĩa vụ kê khai theo khoản 9, Điều 7 của Nghị định số 78/2013/NĐ-CP.

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
PHÒNG ĐÀO TẠO			
1	Đỗ Văn Cao	Chuyên viên	
2	Huỳnh Thị Tuyết Hoa	Chuyên viên	
3	Vương Thị Bích Hào	Chuyên viên	
4	Đỗ Thị Hương	Chuyên viên	
5	Ngô Thị Thu Hạnh	Chuyên viên	
6	Trần Thái Sơn	Chuyên viên	
PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
1	Võ Sĩ Đài	Chuyên viên	
2	Bùi Đức Niệm	Kỹ sư chính	
3	Ngô Thăng	Chuyên viên	
KHOA SAU ĐẠI HỌC			
1	Nguyễn Thị Thu Nga	Chuyên viên	
2	Trần Thị Thu	Chuyên viên	
3	Đặng Văn Tiên	Chuyên viên	
KHOA ĐẠI HỌC TẠI CHỨC			
1	Dương Thành Tô	Chuyên viên	
2	Nguyễn Công Thành	Chuyên viên	
3	Nguyễn Văn Tâm	Chuyên viên	
4	Nguyễn Sỹ Phúc	Chuyên viên	

Danh sách có 16 cán bộ viên chức

Số: 587/TB-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 11 năm 2013

THÔNG BÁO
Về việc kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2013

Kính gửi: Lãnh đạo các đơn vị

Thực hiện Luật phòng chống tham nhũng Số 55/2005/QH11 của Quốc hội Khóa 11, các văn bản hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập cá nhân (TSTNCN) của Chính phủ và Quyết định số 1501/QĐ-ĐHNT ngày 15/11/2013 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt danh sách CBVC thuộc diện kê khai TSTNCN năm 2013. Thừa lệnh Hiệu trưởng, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính thông báo đến các đơn vị, cá nhân thuộc diện kê khai triển khai thực hiện như sau:

1. Thông báo đến từng cá nhân thuộc diện phải kê khai (Danh sách theo Quyết định số 1501/QĐ-ĐHNT ngày 15/11/2013 của Hiệu trưởng kèm theo) để thực hiện việc kê khai.
2. Các cá nhân thực hiện kê khai theo **mẫu đính kèm**.

Mỗi cá nhân phải làm hai bản tự kê khai (01 bản chính và 01 bản photo) **trực tiếp đến nộp cho phòng TCHC** (đ/c Phạm Thị Thu) để ký xác nhận đã nộp và nhận lại 01 bản photo để lưu.

Để thuận lợi cho việc kê khai, Phòng chức năng đã soạn thảo phần hướng dẫn kê khai và biểu mẫu kê khai (file kèm) dựa vào các văn bản hiện hành để các đ/c tham khảo, ai có nhu cầu tìm hiểu kỹ hơn đề nghị xem các văn bản được đăng tải trên Internet (Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ).

Nhận được thông báo này đề nghị các Trưởng đơn vị triển khai ngay việc kê khai TSTNCN trong đơn vị mình và nhắc nhở CBVC thuộc diện kê khai nộp bản kê khai về Phòng TCHC, **hạn chót Phòng TCHC nhận bản kê khai là ngày 20/12/2013**. Quá thời hạn trên, đơn vị/cá nhân nào chưa hoàn thành việc kê khai sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Lưu: TCHC, VT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TC-HC



Trần Đức Lượng



Khánh Hòa, ngày 21 tháng 11 năm 2013

HƯỚNG DẪN

Về việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2013

I. Giải thích từ ngữ

1.1. “**Kê khai tài sản, thu nhập**” là việc người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ các loại tài sản, thu nhập phải kê khai theo mẫu ban hành kèm theo Nghị số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17/07/2013 của Chính phủ;

1.2. “**Tài sản, thu nhập phải kê khai**” là nhà ở, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ **50 triệu đồng** trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài tương đương từ **50 triệu đồng** trở lên; tổng thu nhập thực tế trong kỳ kê khai;

1.3. “**Biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai**” là sự tăng, giảm tài sản, thu nhập phải kê khai so với lần kê khai gần nhất”;

1.4. “**Kỳ kê khai**”: từ tháng 01/2013 đến tháng 12/2013

II. Hướng dẫn kê khai

2.1. **Nguyên tắc:** Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có trách nhiệm tự kê khai theo các thông tin quy định tại Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17/07/2013 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, sự trung thực, đầy đủ đối với nội dung kê khai.

2.2. **Thời hạn nộp bản kê khai:** Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai theo mẫu, bản chính nộp trực tiếp về Phòng TCHC (đ/c Phạm Thị Thu) trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày nhận được Mẫu bản kê khai, hạn chót nộp bản kê khai là 20/12/2013. Ngoài ra cá nhân phải photo lưu giữ lại một bản theo quy định.

2.3 **Trong mẫu kê khai tài sản, thu nhập có 03 phần:** Phần I “thông tin chung, phần II “Thông tin mô tả về tài sản” có 08 thông tin, phần III “Giải trình về sự biến động của tài sản, thu nhập”. Bản kê khai cần phải thể hiện đầy đủ các thông tin, nếu không có thì ghi chữ “Không”.

2.4 **Bản kê khai hợp lệ:** khi người nhận bản kê khai, người kê khai tài sản, thu nhập đã ký tên trên từng trang của bản kê khai tài sản, thu nhập.

III. Xử lý kỷ luật

3.1. Kê khai không trung thực

1. Đối với cán bộ bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Cách chức.

2. Đối với công chức bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Giáng chức;
- đ) Cách chức.

3. Đối với viên chức bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Cách chức.

3.2. Chậm kê khai theo quy định

Người tổ chức việc kê khai, việc công khai chậm; người kê khai, giải trình chậm; người tổng hợp, báo cáo kết quả về minh bạch tài sản, thu nhập chậm so với thời hạn quy định mà không có lý do chính đáng thì tùy theo tính chất, mức độ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- a) Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với người thực hiện chậm trên 15 ngày đến 30 ngày;
- b) Áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo đối với người thực hiện chậm trên 30 ngày đến 45 ngày;
- c) Áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một bậc so với hình thức kỷ luật cảnh cáo đối với người thực hiện chậm trên 45 ngày.

IV. Văn bản kèm theo

4.1. Mẫu Kê khai theo số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17/07/2013 của Chính Phủ;

4.2. Quyết định số 1501/QĐ-ĐHNT ngày 15/11/2013 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt danh sách CBVC thuộc diện kê khai TSTNCN năm 2013.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Đức Lượng